LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 20/11/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP1+RC4+RCDM	7:25	10+8+4	0+0+0		9+2+11	0+0+0	chuyen 30kg rp1-rcdm
2		TD2+CLO	7:25	18+4	0+0		18+4	0+0	
3		P9+CTK3+RP2	7:25	12+8+2	0+0+0		11+8+3	0+0+0	
4		VSP02	9:25	22	0		22	0	
5		RP2+RP3	9:25	7+15	0+0		7+15	0+0	
6		RP1+TD2	9:25	17+5	0+0		14+7	0+0	
7		RP1+RP3	11:25	2+20	0+0		0+22	0+0	
8		RC5+VSP02	11:25	6+16	0+0		6+16	0+0	
9		P6+BK15+CTK3	13:25	5+14+0	0+0+0		0+12+10	0+0+0	
10		RC4+RC8+RC6	13:25	12+4+6	0+0+0		11+4+7	0+0+0	

TTĐĐSX

Đi về trong ngày RC4-3 ng, CTK3-7ng

VNH SOUTH
Cùng bay tới thành công

VIETSOVPETRO

FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/11/2024	TO: RP1 - RC4 - RCDM	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - MTHAO - TOAN	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ HUY TÂM	RP1	59	1	5			56	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN TUẤN ANH	RP1	55	1	12			68	KH-THAC	Vietnamese
3	BÙI NGỌC LONG	RP1	61	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
4	VÕ VĂN ĐỒNG	RP1						74	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐINH VĂN LIÊN	RP1	57	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
6	PHÙNG ĐẠI DƯƠNG	RP1	60	1	5			83	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ TRÍ KHANH	RP1	56	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐOÀN VĂN THIỆM	RP1	62	1	6			60	KH-THAC	Vietnamese
9	BÙI QUANG HOÀN	RP1	63-64	2	15			100	YTE	Vietnamese
10	ĐẶNG VŨ NHẬT VINH	RP1	58	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ QUANG CHUNG	RC4	06	1	3			81	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN HỮU THÁI	RC4				3	50	66	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN MINH THI	RC4	13	1	9			112	KH-THAC	Vietnamese
14	KPAMAPEHKO B.B.	RC4						68	KH-THAC	Russian
15	PHẠM ANH TUẤN	RC4	07-09	3	17			64	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ XUÂN TUẤN	RC4	10-12	3	19			62	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN TRÁI	RC4	04-05	2	17			70	KH-THAC	Vietnamese
18	HÀ QUANG TRUNG	RC4	02	1	10	1	12	52	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ CHÍ BẢO	RCDM	67	1	7			78	KH-THAC	Vietnamese
20	TỪ TUẤN TÚ	RCDM	69	1	7			89	KH-THAC	Vietnamese
21	HUỲNH MINH TRÍ	RCDM	68	1	6	2	30	49	KH-THAC	Vietnamese
22	HỒ TRỌNG BẰNG	RCDM	65	1	7			75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP1	10	721	10	64	0	0	9		CHUYEN 30 KG HANG TỪ RP1 SANG RCDM
2	RC4	8	575	11	75	4	62	2		
3	RCDM	4	291	4	27	2	30	11		
	TOTAL	22	1.587	25	166	6	92	22		
	WEIGHT KG		1.587		166		92			

GRAND TOAL: **1.845** KGS

VSP REP. **VNH REP.** **CAPTAIN**

VNH SOUTH
Cùng bay tới thành công

VIETSOVPETRO

FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/11/2024	TO: TD2 - CLO	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: DƯƠNG - M.ĐỨC - QTRƯỜNG	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ QUANG CƯỜNG	TD2	55	1	5	1	21	80	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN THÀNH ANH	TD2	51	1	4	1	13	70	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ NGỌC HÒA	TD2	63	1	8	1	10	77	KHOAN	Vietnamese
4	NGÔ VĂN HUY	TD2	62	1	6			72	KHOAN	Vietnamese
5	ĐỖ VĂN HÙNG	TD2	47	1	7			72	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN SỸ HIẾU	TD2	58	1	5			73	KHOAN	Vietnamese
7	NGÔ QUANG HÙNG	TD2				2	24	78	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM THANH GIANG	TD2	56-57	2	6			73	KHOAN	Vietnamese
9	TRƯỜNG ĐỨC MẠNH	TD2	49	1	10			81	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN QUANG HƯNG	TD2	67	1	10			77	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN ĐỒNG	TD2	50	1	10			61	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TIẾN	TD2	61	1	8			90	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN HÙNG QUÂN	TD2	64	1	10			69	D-HANH	Vietnamese
14	ĐỖ VĂN TUẤN	TD2	68	1	4			74	CODIEN	Vietnamese
15	ĐIỀU QUỐC CHÍNH	TD2	52	1	10			70	CODIEN	Vietnamese
16	VŨ QUANG TUẤN	TD2	48	1	10			70	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN QUÂN	TD2	53-54	2	20			72	CODIEN	Vietnamese
18	PHẠM DUY HƯNG	TD2	46	1	12			67	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH HẢI	CLO	70	1	15			81	KH-THAC	Vietnamese
20	BÙI VĂN ANH	CLO						80	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN ANH TUẤN	CLO	69	1	13			65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN TIẾN DŨNG	CLO	71	1	8			82	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD2	18	1.326	19	145	5	68	18		
2	CLO	4	308	3	36	0	0	4		
	TOTAL	22	1.634	22	181	5	68	22		
	WEIGHT KG		1.634		181		68			

GRAND TOAL: **1.883** KGS

VSP REP. **VNH REP.** **CAPTAIN**

VNH SOUTH
Cùng bay tới thành công

FLIGHT MANIFEST

VIETSOVPETRO

DATE: 20/11/2024	TO: P9 - CTK3 - RP2	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: N.ANH - NAM - THỤ	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN VĂN DŨNG	P9	97	1	3	1	9	53	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN TRỌNG THẮNG	P9	07	1	15			72	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN TRUNG SỸ	P9	04	1	17			56	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN HOÀNG MINH HIẾU	P9	12-13	2	18			57	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM VĂN TÂN	P9	10-11	2	14			65	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ VĂN THANH	P9	01-02	2	17			74	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐOÀN QUANG TRUNG	P9	05-06	2	17			70	XAYLAP	Vietnamese
8	VƯƠNG HUY HOÀN	P9	03	1	13	1	12	65	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN VĂN TRƯỜNG	P9	09	1	19			75	XAYLAP	Vietnamese
10	PHAN VĂN HÙNG	P9	08	1	16			65	XAYLAP	Vietnamese
11	NGÔ ĐỨC THUẬN	P9	300	1	16			66	XAYLAP	Vietnamese
12	BÙI VĂN DŨNG	P9	98-99	2	22			64	XAYLAP	Vietnamese
13	LARIN M. K.	CTK3	71	1	2			95	D-HANH	Russian
14	VŨ VIỆT THANH	CTK3						73	KH-THAC	Vietnamese
15	BAGNIUKOV A.IU	CTK3	70	1	2			95	XAYLAP	Russian
16	BORODIN E. S.	CTK3						115	XAYLAP	Russian
17	BOROZNA A.O.	CTK3						76	NIPI	Russian
18	OSIPOV A.M.	CTK3	72	1	4			94	NIPI	Russian
19	NGUYEN TRI TIN	CTK3						85	SANBAY	Vietnamese
20	ARUSHANOV SERGEI	RP2	89	1	14	2	32	115	KHOAN	Russian
21	NGUYỄN VĂN ĐẠM	RP2	90	1	8			88	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P9	12	782	17	187	2	21	11		
2	CTK3	7	633	3	8	0	0	8		
3	RP2	2	203	2	22	2	32	3		
	TOTAL	21	1.618	22	217	4	53	22		
	WEIGHT KG		1.618		217		53			

GRAND TOAL: **1.888** KGS

VSP REP. **VNH REP.** **CAPTAIN**

VNH SOUTH
Cùng bay tới thành công

VIETSOVPETRO

FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/11/2024	TO: VSP02	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: DƯƠNG - M.ĐỨC - QTRƯỜNG	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ MẠNH HÙNG	VSP02	16	1	10			78	ANTOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN DỰ	VSP02	28-29	2	17			74	YTE	Vietnamese
3	DUCHENKO A.L.	VSP02	26-27	2	10			134	KH-THAC	Russian
4	ĐẶNG NGỌC CƯỜNG	VSP02	09	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN GIANG	VSP02	08	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐỖ TRUNG DŨNG	VSP02	10	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN LÊ HỘI	VSP02	31	1	8	3	60	65	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN XUÂN KÍNH	VSP02	30	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM VĂN PHƯƠNG	VSP02	18	1	11			88	KH-THAC	Vietnamese
10	VÕ TẤN LÍNH	VSP02	23-24	2	10			63	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM DUY QUANG	VSP02						65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT NGỌC	VSP02	22	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TUẤN DƯƠNG	VSP02	40000	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
14	DƯƠNG TRUNG VIỆT	VSP02	15	1	3			80	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC QUANG	VSP02	21	1	8			61	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM TRỌNG TUẤN	VSP02	25	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN QUYẾT	VSP02	11-12	2	14			55	KH-THAC	Vietnamese
18	BÙI XUÂN TIẾN	VSP02	14	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ THÁI SƠN	VSP02	13	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
20	HÀ MẠNH THẮNG	VSP02	27	1	5			57	KH-THAC	Vietnamese
21	BÙI HUY BÌNH	VSP02	17	1	3			76	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐÌNH DƯƠNG	VSP02	07	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	VSP02	22	1.571	25	149	3	60	22		
	TOTAL	22	1.571	25	149	3	60	22		
	WEIGHT KG		1.571		149		60			

GRAND TOAL: **1.780** KGS

VSP REP. **VNH REP.** **CAPTAIN**

VNH SOUTH
Cùng bay tới thành công

VIETSOVPETRO

FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/11/2024	TO: RP2 - RP3	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: TUYỂN - MTHAO - TOAN	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	DUONG CHI CONG	RP2	65	1	10			96	NHATHAU	Vietnamese
2	NGÔ HỒNG GIANG	RP2	60	1	9			71	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN VIẾT MINH	RP2	67	1	5			68	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN TẤT THÀNH	RP2	66	1	7	3	50	55	KHOAN	Vietnamese
5	HOÀNG NGỌC SÁNG	RP2	62-63	2	18			55	KH-THAC	Vietnamese
6	HOÀNG GIA BẢO	RP2	68	1	12			53	SINH HÙNG	Vietnamese
7	LÊ HUY DUẨN	RP2	61	1	10			63	XAYLAP	Vietnamese
8	HOÀNG VIỆT ANH	RP2	64	1	8			66	PSV	Vietnamese
9	VŨ TRUNG KIÊN	RP3	42	1	6			81	KH-THAC	Vietnamese
10	LƯƠNG VĂN PHÒ	RP3	36	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ QUANG TÔ	RP3	30-31	2	6	1	17	63	KH-THAC	Vietnamese
12	VÕ TẤN CHÂU	RP3	35	1	11			83	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG CHƯƠNG	RP3	32	1	3	2	40	63	KH-THAC	Vietnamese
14	HÀ VĂN NIN	RP3	41	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM MINH TOÀN	RP3	38	1	8	2	17	56	YTE	Vietnamese
16	CAO ĐỨC THANH	RP3	27	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN QUÝ HẢI	RP3	37	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM DUY NHIÊN	RP3	28	1	3			77	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN CÔNG SOÁI	RP3	29	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐẶNG HẢI HÀ	RP3	34	1	12			80	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN VIỆT HÙNG	RP3	33	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐẶNG TRUNG HIẾU	RP3	39-40	2	9	1	11	72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP2	8	527	9	79	3	50	7		
2	RP3	14	996	16	89	6	85	15		
	TOTAL	22	1.523	25	168	9	135	22		
	WEIGHT KG		1.523		168		135			

GRAND TOAL: 1.826 KGS

VSP REP. VNH REP. CAPTAIN

VNH SOUTH
Cùng bay tới thành công

FLIGHT MANIFEST

VIETSOVPETRO

DATE: 20/11/2024	TO: RP1 - TD2	AIRCRAFT: 410	ETD: 10:00
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: N.ANH - NAM - THỤ	ETA: 11:50
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHAN XUÂN THÀNH	RP1	72-73	2	16			72	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN Ý	RP1	75	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN BẢO TRUNG	RP1	65	1	2			65	KH-THAC	Vietnamese
4	TẠNG THÀNH DÂN	RP1	68	1	9			67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VIẾT HÙNG	RP1	69	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG THỐNG	RP1						71	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐỖ VĂN THANH	RP1	71	1	2			73	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐÌNH THÂM	RP1	66	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN QUỐC HUY	RP1	80-81	2	13			76	DVL	Vietnamese
10	ĐẶNG TRỌNG GIÁO	RP1	77	1	4			61	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN TRỌNG HIẾU	RP1	70	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC HUY	RP1	76	1	6			87	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC TÚ	RP1	79	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TIẾN	RP1	74	1	8			78	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TUẤN	RP1						78	PSV	Vietnamese
16	VƯƠNG ĐỨC HUY	RP1	78	1	17			97	PSV	Vietnamese
17	ĐỖ MINH THUẬN	RP1	67	1	12			80	PSV	Vietnamese
18	MÃ ANH TÍT	TD2	74	1	9			66	CODIEN	Vietnamese
19	VŨ NGỌC TIẾN	TD2	70	1	8			76	DVL	Vietnamese
20	LÊ VĂN TÀI	TD2	72	1	4			79	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN QUANG MINH	TD2	71	1	8			83	PSV	Vietnamese
22	LÊ PHÁT THỊNH	TD2	73	1	4			96	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP1	17	1.264	17	114	0	0	14		
2	TD2	5	400	5	33	0	0	8		
	TOTAL	22	1.664	22	147	0	0	22		
	WEIGHT KG		1.664		147		0			

GRAND TOAL: 1.811 KGS

VSP REP. VNH REP. CAPTAIN

VNH SOUTH
Cùng bay tới thành công

FLIGHT MANIFEST

VIETSOVPETRO

DATE: 20/11/2024	TO: RP1 - RP3	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:10
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: XHOÀN - NPHÚ - HUY	ETA: 14:00
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN MINH ĐẠT	RP1				2	22	86	DVL	Vietnamese
2	HUỲNH TẤN NGÔN	RP3	75	1	4	1	8	76	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN TIẾN	RP3	68	1	4	4	70	77	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG CÔNG THỊNH	RP3	74	1	7			85	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐINH QUANG THÀNH	RP3	69-70	2	12			75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	RP3	65	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH TÙNG	RP3	71-72	2	10			59	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ CÔNG HÙNG	RP3	83	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN NAM TRUNG	RP3	63	1	7			59	KH-THAC	Vietnamese
10	VÕ THÀNH LÂM	RP3	66	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM QUỐC CHẾ	RP3	80	1	3			60	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ QUANG HÙNG	RP3	81-82	2	13			76	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU MẬU	RP3	67	1	9			63	KH-THAC	Vietnamese
14	LƯU HỒ ANH	RP3	78	1	10			77	CODIEN	Vietnamese
15	TRẦN MẠNH CƯỜNG	RP3	61-62	2	20			71	CODIEN	Vietnamese
16	LÊ TUẤN ANH	RP3	79	1	8			74	CODIEN	Vietnamese
17	LÊ TRỌNG DŨNG	RP3	76-77	2	15			64	CODIEN	Vietnamese
18	LÊ KHẮC BẢO	RP3	64	1	8			60	PSV	Vietnamese
19	HOANG VAN HAI	RP3	73	1	7			63	KHI	Vietnamese
20	TRAN CONG MINH	RP3	90	1	5			90	XAY LAP	Vietnamese
21	NGUYEN VAN QUOC	RP3	89	1	7			72	XAY LAP	Vietnamese
22	PHAN THANH SON	RP3				3	23	57	XAY LAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP1	1	86	0	0	2	22	0		
2	RP3	21	1.467	25	165	8	101	22		
	TOTAL	22	1.553	25	165	10	123	22		
	WEIGHT KG		1.553		165		123			

GRAND TOAL: 1.841 KGS

VSP REP. VNH REP. CAPTAIN

VSP

VNH SOUTH
Cùng bay tới thành công

FLIGHT MANIFEST

VIETSOVPETRO

DATE: 20/11/2024	TO: RC5 - VSP02	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: HUNG - N.CƯƠNG - MQUÂN	ETA: 14:05
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	CAO THANH HỢP	RC5	68-69	2	9	2	40	63	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN HÂN	RC5	65	1	6			84	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC NHÂN	RC5	64	1	8			78	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN KIM THẠCH	RC5	66-67	2	11			79	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ANH TUẤN	RC5	63	1	9			76	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ VĂN THỊNH	RC5	67	1	5			70	PSV	Vietnamese
7	DO QUOC TRINH	VSP02	39	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM HỮU TRÍ	VSP02	42	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	VSP02	46	1	3			80	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN HỮU KHÁNH	VSP02	48	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
11	LỮ SƠN	VSP02	49	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
12	HUỲNH ANH BẢO	VSP02	47	1	12			78	KH-THAC	Vietnamese
13	LƯƠNG HOÀNG ĐẠT	VSP02	41	1	10			72	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN VIỆT QUANG	VSP02	50	1	10			70	KH-THAC	Vietnamese
15	BÙI NGUYỄN QUANG	VSP02	44	1	3			77	KH-THAC	Vietnamese
16	VÕ XUÂN TOÀN	VSP02	43	1	5			78	PSV	Vietnamese
17	LÊ ĐĂNG KHOA	VSP02	45	1	7			65	PSV	Vietnamese
18	HOÀNG VĂN TRUNG	VSP02	36	1	4			86	PSV	Vietnamese
19	DẦU CÔNG SẤU	VSP02	38	1	5			85	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HƯỞNG	VSP02	40	1	7			64	PSV	Vietnamese
21	LÊ MINH HUY	VSP02	35	1	6			73	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN DUY KHÁNH	VSP02	37	1	5			72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC5	6	450	8	48	02	40	6		
2	VSP02	16	1.176	16	100	0	0	16		
	TOTAL	22	1.626	24	148	02	40	22		
	WEIGHT KG		1.626		148		40			

GRAND TOAL: 1.774 KGS + 40 Kg

VSP REP. VNH REP. CAPTAIN

VNH SOUTH
Cùng bay tới thành công

FLIGHT MANIFEST

VIETSOVPETRO

DATE: 20/11/2024	TO: P6 - BK15 - CTK3	AIRCRAFT: 428	ETD: 14:30
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: XHOÀN - NPHÚ - HUY	ETA: 16:20
XANH-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HOÀNG HỮU VINH QUY	P6	63	1	16			79	CODIEN	Vietnamese
2	TRẦN XUÂN HOÀN	P6	95-97	3	16			59	CODIEN	Vietnamese
3	TRẦN PHÚ	P6	64-65	2	16			71	CODIEN	Vietnamese
4	QUÁCH SỸ TÝ	P6	68-69	2	19			68	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN QUANG TRUNG	P6	66-67	2	21			80	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN KỲ	BK15	35-36	2	16			85	PVD-BH	Vietnamese
7	NGUYỄN QUANG MINH	BK15	72	1	12			92	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN BỘ	BK15	33	1	8	3	26	69	XAYLAP	Vietnamese
9	QUÁCH XUÂN THƯỜNG	BK15	74-75	2	19			73	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ ĐÌNH HOÀN	BK15	70-71	2	12			67	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐINH ĐỨC THIỆN	BK15	29,34	2	19			58	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN QUANG HUY	BK15	68	1	10	1	13	56	XAYLAP	Vietnamese
13	HÀ ĐỨC TÙNG	BK15	66	1	13	1	10	67	XAYLAP	Vietnamese
14	VÕ VĂN ĐẠO	BK15	46	1	13			68	XAYLAP	Vietnamese
15	HOÀNG VĂN HƯNG	BK15	27	1	10	1	15	73	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG TUYÊN	BK15	26	1	19			69	XAYLAP	Vietnamese
17	PHẠM VĂN TRÌNH	BK15	64-65	2	18			72	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN VĂN NAM	BK15	47	1	17			69	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P6	5	357	10	88	0	0	0		
2	BK15	13	918	18	186	6	64	12		
3	CTK3	0	0	0	0	0	0	9		
	TOTAL	18	1.275	28	274	6	64	21		
	WEIGHT KG		1.275		274		64			

GRAND TOAL: **1.613** KGS

VSP REP. **VNH REP.** **CAPTAIN**

VNH SOUTH
Cùng bay tới thành công

VIETSOVPETRO

FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/11/2024	TO: RC4 - RC8 - RC6	AIRCRAFT: 427	ETD: 14:35
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: HƯNG - N.CƯƠNG - MQUÂN	ETA: 16:25
TRANG-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VÕ QUỐC THÔNG	RC4	25	1	9			82	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH SƠN	RC4	36	1	13			73	KH-THAC	Vietnamese
3	VÕ HUY HOÀNG	RC4	37	1	12			87	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN NẰNG	RC4	26	1	10	1	10	79	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN QUỐC THUẬN	RC4	27	1	10			67	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ ĐÌNH ĐẠI	RC4	21-22	2	19			65	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG TUẤN ANH	RC4	29	1	10	5	45	87	CODIEN	Vietnamese
8	VŨ QUÝ TRƯỜNG	RC4	28	1	10			70	CODIEN	Vietnamese
9	HOÀNG ANH TUẤN	RC4	19	1	9			66	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐẶNG XUÂN TRƯỜNG	RC4	20	1	6			54	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN CAO MỘNG	RC4	23	1	6			58	PSV	Vietnamese
12	PHẠM VĂN HIẾU	RC4	24	1	9			60	DK9	Vietnamese
13	HUỲNH MINH SANG	RC8	02	1	6			81	KH-THAC	Vietnamese
14	LƯƠNG TUẤN ANH	RC8	01	1	9			82	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM HUY ĐÌNH	RC8	56-57	2	18			64	T-TIN	Vietnamese
16	NGUYỄN TẤT TÂM	RC8	530	1	5			53	PSV	Vietnamese
17	VŨ QUANG TUYỀN	RC6	023	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
18	BÙI QUỐC VIỆT	RC6						82	KH-THAC	Vietnamese
19	CHU TIẾN BÌNH	RC6	42-43	2	6			62	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN LẠ	RC6				2	30	69	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ ĐỨC HUY	RC6	024	1	14	1	15	66	T-TIN	Vietnamese
22	KIỀU MINH QUYẾT	RC6	022	1	5			62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC4	12	848	13	123	6	55	11		
2	RC8	4	280	5	38	0	0	4		
3	RC6	6	412	5	32	3	45	7		
	TOTAL	22	1.540	23	193	9	100	22		
	WEIGHT KG		1.540		193		100			

GRAND TOAL: **1.833** KGS

VSP REP. **VNH REP.** **CAPTAIN**